

Số: 3105/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 11 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 2258/STC-NSNN ngày 08/9/2011 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2017/TTr-SNV ngày 08/11/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai gồm có 08 Chương 30 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai, Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Thái

Đồng Nai, ngày 21 tháng 11 năm 2011

ĐIỀU LỆ

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2011
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Điều lệ này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở

1. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Quỹ)
2. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Dong Nai Land Development Fund (gọi tắt: DLDF).
3. Địa chỉ trụ sở của Quỹ: Số 211 – 213, đường Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Vị trí và chức năng

1. Quỹ Phát triển đất tỉnh Đồng Nai là tổ chức tài chính nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và ủy thác sang Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai quản lý. Quỹ tiếp nhận vốn từ nguồn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và huy động các nguồn khác theo quy định để ứng vốn và chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định “Bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

2. Quỹ Phát triển đất có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai để giao dịch và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.
2. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định “Bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.
2. Ứng vốn cho các tổ chức để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 16 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.
3. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước chi hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 16 của Điều lệ này.
4. Báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.
5. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ Phát triển đất theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện chi hỗ trợ theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thu hồi các khoản chi hỗ trợ theo quy định.
3. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo quy định tại Điều lệ về tổ chức, hoạt động Quỹ Phát triển đất tỉnh; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.

5. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.

6. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

Chương III **CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

- Hội đồng quản lý Quỹ;
- Ban kiểm soát Quỹ;
- Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ.

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ (HĐQL) có 05 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên sau: lãnh đạo Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai; do Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập và được hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, trong đó:

a) Chủ tịch hội đồng quản lý Quỹ là một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh kiêm Giám đốc Quỹ Phát triển đất.

c) Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; riêng Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định

d) Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQL Quỹ là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên HĐQL Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Bị tòa kết án bằng bản án hoặc Quyết định đã có hiệu lực Pháp luật.

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tước bỏ năng lực hành vi dân sự.

c) Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cá nhân hoặc cho người khác, báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Quỹ.

d) Vi phạm quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

đ) Khi có Quyết định xử lý kỷ luật của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Thành viên HĐQT Quỹ được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Xin từ chức.

b) Khi có Quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

c) Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc.

d) Khi có sự khiếm khuyết trong HĐQT Quỹ vì những lý do khác.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn do ngân sách chuyển và các nguồn vốn khác theo quy định của Pháp luật;

2. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của HĐQT Quỹ

3. Ban hành Quy chế quản lý tài chính của Quỹ nhằm phục vụ hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh trên cơ sở đó Ban kiểm soát và bộ máy điều hành của Quỹ Đầu tư phát triển bổ sung nhiệm vụ cho phù hợp.

4. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm;

5. Thực hiện giám sát việc ứng vốn và chi hỗ trợ theo quy định;

6. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chế độ phụ cấp cho thành viên HĐQT Quỹ và các bộ phận có liên quan.

7. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của Pháp luật.

8. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của Pháp luật.

9. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của HĐQT Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước Pháp luật.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chủ tịch HĐQT Quỹ

Chủ tịch HĐQT Quỹ có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1. Chịu trách nhiệm về công việc của HĐQT Quỹ, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT Quỹ

2. Thay mặt HĐQT Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn, tài sản và các nguồn lực khác do nhà nước giao cho Quỹ.

3. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT Quỹ theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này.

4. Thay mặt HĐQT Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT Quỹ

5. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ.

6. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ hoặc cho các thành viên HĐQT Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT Quỹ về các công việc được ủy quyền.

7. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 11. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có 3 thành viên, gồm: Trưởng ban và 02 thành viên.

Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 12. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có Giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ.

1. Giám đốc Quỹ

Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT Quỹ; Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước HĐQT Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ theo nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại quy chế này; nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ:

a) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình HĐQT Quỹ phê duyệt;

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và Quyết định của HĐQT Quỹ;

c) Quyết định ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ;

d) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với HĐQT Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

đ) Trình HĐQT Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;

e) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản về các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật;

f) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng Quỹ .

2. Kế toán trưởng:

a) Có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

b) Kế toán trưởng Quỹ được kiêm nhiệm từ Kế toán trưởng của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai.

3. Phòng nghiệp vụ:

Quỹ Phát triển đất thực hiện ủy thác sang Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Đồng Nai nên Quỹ không thành lập các phòng nghiệp vụ.

Điều 13. Chế độ làm việc của HĐQT Quỹ

1. HĐQT Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ 03 tháng 1 lần để xem xét và Quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của HĐQT Quỹ. Khi cần thiết HĐQT Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT Quỹ.

2. Các cuộc họp của HĐQT Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên của HĐQT Quỹ tham dự. Thành viên của HĐQT Quỹ vắng mặt phải có lý do. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các thành viên HĐQT Quỹ có thể thực hiện hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các thành viên HĐQT Quỹ tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải theo đúng chương trình đã được thông báo trước; phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. HĐQT Quỹ Quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên HĐQT Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các Quyết định của HĐQT Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số thành viên trong HĐQT Quỹ có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của người chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng. Thành viên của HĐQT Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp HĐQT Quỹ đều phải được ghi bằng biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên HĐQT Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt HĐQT Quỹ ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các Quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT Quỹ ký thay.

7. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Trong trường hợp chưa thông nhất, Giám đốc Quỹ có quyền báo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Quỹ.

Điều 14. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của các thành viên HĐQT Quỹ

1. Mọi chi phí hoạt động của HĐQT Quỹ theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên của HĐQT Quỹ được hưởng phụ cấp trách nhiệm và tiền thưởng theo quy định.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 15. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn của Quỹ bao gồm vốn nhà nước cấp và các nguồn vốn khác.

2. Mức vốn nhà nước cấp cho Quỹ do UBND tỉnh quyết định khi quyết định thành lập Quỹ. Việc thay đổi vốn nhà nước cấp trong quá trình hoạt động do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT Quỹ.

3. Hàng năm, trích từ 30% đến 50% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh (sau khi trừ các khoản chi để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các chi phí có liên quan khác). Mức trích cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định căn cứ vào dự toán ngân sách Nhà nước được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết nghị.

4. Các nguồn vốn khác của Quỹ gồm: vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của Pháp luật.

Điều 16. Quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

Quỹ được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1. Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đấu giá;
2. Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
3. Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch;
4. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất;
5. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu;
6. Ứng vốn cho ngân sách nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định mức ứng vốn

1. Mức ứng vốn đối với 01 dự án từ trên 15% nguồn vốn hoạt động thực có Quỹ Phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.
2. Mức ứng vốn đối với 01 dự án dưới 15% nguồn vốn hoạt động thực có Quỹ Phát triển đất do Giám đốc Quỹ quyết định.
3. Mức ứng vốn cho ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ nêu tại khoản 4, 5, 6 Điều 16 Điều lệ này do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 18. Giới hạn ứng vốn

1. Mức ứng vốn đối với một dự án tối đa bằng 50% (năm mươi phần trăm) nguồn vốn hoạt động thực có Quỹ Phát triển đất.

2. Giới hạn tất cả các khoản ứng vốn và ứng chi hỗ trợ tại Điều 16 Điều lệ này tối đa không vượt nguồn vốn hoạt động thực có của Quỹ Phát triển đất.

Điều 19. Trình tự, thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

1. Đối với việc ứng vốn cho các tổ chức quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 16 Điều lệ này.

a) Hàng năm, các tổ chức được giao nhiệm vụ nêu trên có trách nhiệm lập dự toán chi phí vốn thực hiện trên cơ sở các phương án về bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau đó, gửi về Quỹ Phát triển đất tỉnh để tổng hợp, thông qua Hội đồng quản lý Quỹ cho ý kiến, quyết định mức ứng vốn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 17 Điều lệ này.

b) Căn cứ vào tính chất, đặc điểm của từng dự án có nhu cầu ứng vốn theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 16 Điều lệ này, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quy định hồ sơ và thời gian hoàn vốn ứng.

2. Đối với việc ứng vốn cho ngân sách nhà nước về chi hỗ trợ tại khoản 4, 5, 6 Điều 16 Điều lệ này, Quỹ Phát triển đất tỉnh căn cứ hồ sơ thẩm định của Sở Tài chính đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt để thực hiện ứng vốn. (Sở Tài chính hướng dẫn quy trình thẩm định hồ sơ xin ứng vốn cho ngân sách chi hỗ trợ).

Điều 20. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ

1. Hoàn trả vốn ứng:

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 16 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án;

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ địa phương.

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất trước khi nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định;

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được

hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả thì ngân sách địa phương hoàn trả phần chênh lệch.

2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ:

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các khoản 4, 5, 6 Điều 16 của Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

Điều 21. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại Điều 16 của Quy chế này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

1. Đối với vốn ứng để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

2. Đối với các khoản ứng vốn chi hỗ trợ, mức phí ứng vốn bằng không (= 0).

3. Đối với vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước (= 0,15%/tháng) theo Thông tư số 49/2005/TT-BTC ngày 09/6/2005 của Bộ Tài chính về phí ứng vốn ngân sách).

Chương V

NHẬN ỦY THÁC VÀ ỦY THÁC

Điều 22. Nhận ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác.

2. Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của các Quỹ khác thuộc tỉnh.

3. Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác và được hạch toán vào nguồn thu của Quỹ. Mức phí cụ thể được thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

Điều 23. Ủy thác

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển quản lý nguồn vốn để thực hiện ứng vốn, hỗ trợ vốn và thu hồi vốn của Quỹ Phát triển đất; giao Hội đồng quản lý Quỹ ký hợp đồng ủy thác với Quỹ Đầu tư phát triển.

2. Quỹ trả phí ủy thác cho Quỹ Đầu tư phát triển và hạch toán vào nội dung chi của Quỹ. Mức phí ủy thác bằng **0,15 % trên nguồn vốn ủy thác/năm**. Mức phí này được Quỹ Đầu tư phát triển Đồng Nai sử dụng để phân bổ chi phí cho hoạt động kiêm nhiệm của bộ máy hoặc chi phí khác liên quan đến hoạt động của Quỹ Phát triển đất.

3. Mức phí ủy thác được xem xét điều chỉnh hợp lý hàng năm trên cơ sở nguồn vốn ủy thác.

Chương VI CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

Điều 24. Nguồn thu của Quỹ

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của Pháp luật;

b) Phí ứng vốn theo quy định tại Điều 20 của Quy chế này;

c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng;

d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ và phí nhận ủy thác;

e) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại Điều này không bao gồm nguồn vốn nhà nước cấp của Quỹ quy định tại Điều 15 của Điều lệ này.

Điều 25. Nội dung chi

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Các khoản chi thường xuyên thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy;

b) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản lý, và cán bộ có liên quan đến công tác quản lý Quỹ;

c) Chi trả phí ủy thác theo khoản 2 Điều 23 Điều lệ này;

d) Một số nội dung chi khác theo Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này do ngân sách nhà nước cấp khi Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị và không bao gồm các nội dung chi ứng vốn; hỗ trợ quy định tại Điều 16 của Điều lệ này.

Điều 26. Chế độ kế toán, kiểm toán

1. Quỹ Phát triển đất

a) Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật.

b) Việc thực hiện hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của Pháp luật.

2. Quỹ Đầu tư phát triển có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện ủy thác nguồn vốn của Quỹ Phát triển đất theo Điều lệ này để Giám đốc Quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ thẩm tra và thông qua.

Chương VII

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 27. Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 28. Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của Pháp luật.

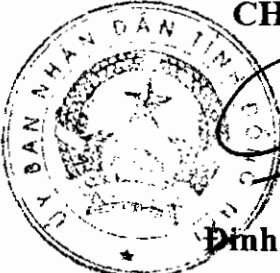
Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hội đồng quản lý, ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Điều lệ này.

Điều 30. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết, rút kinh nghiệm về các mặt hoạt động, đề xuất những điều khoản cần thiết phải sửa đổi bổ sung trong Điều lệ này và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định./.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Đình Quốc Thái